

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2023

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Hà Thị Dung.

-Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lường Văn H, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm K, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:Chị Triệu Thị D, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm K, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang làm việc tại Malaysia. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Lường Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị D đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm K, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thống nhất để chị D đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài để kiếm thêm thu nhập. Chị D đi với hợp đồng là 03 năm. Sau khi hết hợp đồng lao động chị D có trở về Việt Nam nhưng được mấy ngày sau thì chị D lại tiếp tục sang nước ngoài để làm việc mà không nói trước cho anh được biết. Từ đó

vợ chồng mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân và không còn sự quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Mạnh K, sinh ngày 06/9/2012. Hiện cháu K đang ở cùng anh H tại Xóm K, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung do cháu K sống cùng anh từ nhỏ và chị D hiện đang ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng: Anh H không đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Lâm Thị M, sinh năm 1952 là mẹ đẻ của chị Triệu Thị D – Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, gia đình có thông tin cho chị D được biết việc anh H đang yêu cầu xin ly hôn với chị. Tại buổi làm việc ngày 26/10/2023 chị D có trực tiếp liên hệ về cho gia đình để thể hiện quan điểm của chị như sau: *“Về quan hệ hôn nhân chị xác định chị và anh H có mâu thuẫn do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, nay anh H xin ly hôn chị nhất trí ly hôn với anh H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh H đã khai tại Tòa là đúng. Hiện cháu đang ở cùng anh H, khi ly hôn chị tôn trọng quyết định của con về việc con muốn ở cùng ai, nếu cháu có nguyện vọng ở anh H chị cũng nhất trí. Sau này chị về Việt Nam chị sẽ thỏa thuận lại với anh H về việc nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trên những ý kiến chị đã trình bày”*.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lường Văn H, cho anh H được ly hôn với chị Triệu Thị D; Giao cháu Lường Mạnh K sinh ngày 06/9/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị D do anh H không có yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 13979/PA08(Đ1) ngày 17/10/2023 của Cục Q – Bộ C xác định công dân Triệu Thị D xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất chị D xuất cảnh ngày 08/02/2020 qua C1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Lương Văn H chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị Triệu Thị D ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị D ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị D là bà Lâm Thị M (mẹ đẻ của chị D), có đủ căn cứ xác định chị D vẫn liên hệ với bà nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của chị D và chị D cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án có yêu cầu thân nhân của chị D cung cấp địa chỉ của chị D hiện nay ở nước ngoài nhưng gia đình chị D không có địa chỉ cụ thể của chị D tại Malaysia để cung cấp cho Tòa án. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Lương Văn H và chị Triệu Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1.] Theo anh H, sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ việc chị D tự ý quyết định tiếp tục sang nước ngoài làm việc mà không nói trước cho anh được biết, dẫn đến giữa vợ chồng không có tiếng nói chung và sự quan tâm, chia sẻ với nhau cũng không còn, bản thân anh không còn tình cảm với chị D nên đề nghị được ly hôn, để mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

[2.2.] Phía bị đơn chị Triệu Thị D, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (mẹ đẻ chị D) và việc trao đổi trực tiếp qua điện thoại tại buổi làm việc ngày 26/10/2023, chị D cũng xác định giữa vợ chồng có mâu thuẫn mà không thể hòa giải, hai vợ chồng không còn yêu thương nhau, anh H xin ly hôn chị nhất trí.

[2.3.] Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh H và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, sự quan tâm, thương yêu nhau, sự tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống gia đình đã không còn, cả hai anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Do vậy mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình đã không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn chị D là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.4.] Về con chung: Anh H và chị D đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Lương Mạnh K, sinh ngày 06/9/2012. Anh H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị D nhất trí với đề nghị của anh H và xác định khi chị về Việt Nam chị sẽ thực hiện quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị D không có mặt tại Việt Nam, bản thân cháu K ở với anh H từ nhỏ, trong suốt thời gian chị D ở nước ngoài cháu K được anh H chăm sóc đầy đủ về học tập và cháu đã phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức; mặt khác cháu K cũng có nguyện vọng được ở với anh H. Để ổn định cuộc sống và đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, cần giao cháu Lương Mạnh K, sinh ngày 06/9/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.5.] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D vì anh H không yêu cầu giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.6.] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có nên yêu cầu giải quyết. Phía chị D cũng có ý kiến thể hiện không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3.] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4.] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5.] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lương Văn H. Anh Lương Văn H được ly hôn với chị Triệu Thị D.

- Về con chung: Giao con chung là Lường Mạnh K, sinh ngày 06-9/2012 cho anh Lường Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị D do anh H không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

- Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Án phí: Anh Lường Văn H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000012 ngày 12/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Lường Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, chị Triệu Thị D1 quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy

